

## DICARBO Tablet

### ■ Thành phần: Mỗi viên chứa:

Calcium citrate.....	750mg
(Tương đương calci 158mg)	
Cholecalciferol.....	4mg
(Tương đương vitamin D 400IU)	

*Tá dược:* Lactose monohydrat, low substituted hydroxypropylcellulose, colloidal silicon dioxid, acid citric khan, magnesi stearat, talc, nước tinh khiết.

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng, nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.*

*Để xa tầm tay trẻ em. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng in trên bao bì.*

### **Các đặc tính dược lực học:**

Calcium citrat được dùng để ngăn ngừa và điều trị tình trạng thiếu calci. Calcium citrat cũng được dùng hỗ trợ trong việc ngăn ngừa và điều trị chứng loãng xương.

Vitamin D3 cần thiết cho việc điều hòa calci và phosphat, và phát triển xương. Vitamin D giúp tăng sự hấp thu calci ở ruột.

Dùng kết hợp calci và vitamin D3 giúp chống lại sự gia tăng hormon tuyến cận giáp (PTH: parathyroid hormon), bị gây ra bởi thiếu hụt calci và gây tăng tái hấp thu xương.

### **Các đặc tính dược động học:**

*Hấp thu:* Khoảng 33% calci được hấp thu từ đường tiêu hóa. Vitamin D3 được hấp thu ở ruột non, và được hấp thu tốt ở đường tiêu hóa khi có sự hiện diện của mật.

*Phân bố và Chuyển hóa:* Calci phân bố ở mô xương, qua được sữa mẹ và nhau thai. Khoảng 99% calci trong cơ thể tập trung ở xương và răng. 1% còn lại hiện diện trong dịch nội bào và ngoại bào. Khoảng 50% calci trong máu ở dạng ion hoạt động, khoảng 10% ở dạng kết hợp với citrat, phosphat hoặc các anion khác, phần còn lại khoảng 40% kết hợp với protein, chủ yếu là albumin.

Vitamin D và các chất chuyển hóa gắn với protein và lưu thông trong máu. Vitamin D mà không được chuyển hóa sẽ tích trữ trong mô mỡ và cơ trong thời gian dài. Cholecalciferol và các chất chuyển hóa lưu thông trong máu và kết hợp với globulin chuyên biệt. Cholecalciferol được biến đổi trong gan bởi sự hydroxy hóa thành dạng hoạt tính 25-hydroxycholecalciferol. Sau đó được tiếp tục biến đổi ở thận thành 1,25 hydroxycholecalciferol. 1,25 hydroxycholecalciferol là chất chuyển hóa làm tăng sự hấp thu calci.

### *Thải trừ:*

Calci được bài tiết qua phân, nước tiểu, và mồ hôi. Sự bài tiết ở thận tùy thuộc vào độ thanh lọc cầu thận và sự tái hấp thu calci ở ống thận.

Vitamin D được bài tiết qua phân và nước tiểu.

### ■ Mô tả:

Viên nén không bao hình thuôn dài màu trắng, một mặt có vạch bẻ và khắc chữ “K K”, mặt kia khắc chữ “NEO”.

### ■ Chỉ định:

Bổ sung calci và vitamin D cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

Chậm phát triển răng và xương. Phòng bệnh loãng xương.

### ■ Liều dùng và cách dùng:

2 viên một lần mỗi ngày.

### ■ Chống chỉ định:

- 1) Bệnh nhân tăng calci huyết, bệnh thận, bệnh Sacoit.
- 2) Bệnh nhân mẫn cảm với thuốc hoặc các thành phần chứa trong thuốc.
- 3) Trẻ em dưới 12 tháng.
- 4) Bệnh nhân bị sỏi thận.
- 5) Bệnh nhân bị suy thận trầm trọng.
- 6) Vì thuốc này chứa lactose, chống chỉ định ở những bệnh nhân không dung nạp, thiếu men lactase hoặc không hấp thu glucose-galactose.
- 7) Những bệnh và/hoặc những điều kiện dẫn đến tăng calci niệu.
- 8) Rối loạn thừa vitamin D.

### ■ Thận trọng:

- 1) Bệnh nhân bị bệnh và đang được điều trị.
- 2) Trẻ em có chế độ ăn uống đầy đủ và tiếp xúc nhiều với ánh sáng mặt trời.
- 3) Phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú.
- 4) Bệnh nhân đang dùng glycoside tim.
- 5) Bệnh nhân bị rối loạn chức năng thận.
- 6) Bệnh nhân bị rối loạn chức năng tim và tim mạch bất thường.
- 7) Bệnh nhân có protein huyết thấp.

### **Thận trọng chung:**

- 1) Nên dùng đúng liều và đúng chỉ định.
- 2) Tham vấn bác sĩ hoặc dược sĩ trong trường hợp không có cải thiện khi điều trị mặc dù đã dùng thuốc một tháng.

3) Khi sử dụng lâu dài, cần phải theo dõi nồng độ calci huyết và creatinin huyết thanh, việc theo dõi này cần đặc biệt lưu ý ở những bệnh nhân lớn tuổi có sử dụng các glycosid tim hay thuốc lợi tiểu.

■ **Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

*Sử dụng cho phụ nữ có thai:*

Thuốc này có thể sử dụng cho phụ nữ có thai trong trường hợp thiếu calci và vitamin D3. Trong khi mang thai, liều dùng mỗi ngày không nên quá 1500mg calci và 600 IU vitamin D. Ở phụ nữ mang thai, phải tránh dùng calci và vitamin D quá liều vì tình trạng tăng calci máu kéo dài trong thời kỳ mang thai có thể dẫn đến tình trạng chậm phát triển thể chất và tinh thần, hẹp van động mạch chủ trên và bệnh võng mạch ở trẻ em. Không có dấu hiệu cho thấy vitamin D3 ở liều điều trị gây quái thai ở người.

*Sử dụng cho phụ nữ cho con bú:*

Thuốc này có thể sử dụng cho phụ nữ cho con bú. Nên lưu ý khi sử dụng vì calci và vitamin D bài tiết được qua sữa mẹ, nên thuốc có thể gây tăng calci huyết ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.

■ **Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:**

Không có ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

■ **Sử dụng quá liều:**

*Triệu chứng:* Quá liều có thể dẫn đến tăng calci huyết. Triệu chứng bao gồm chán ăn, khát nước, buồn nôn, nôn, đau bụng, yếu cơ, rối loạn tâm thần, chứng khát nhiều, đa niệu, chứng loạn nhịp tim.

*Điều trị:* Điều trị tăng calci huyết bằng cách bổ sung nước và ngưng sử dụng chế phẩm bổ sung calci, thuốc lợi tiểu thiazid hoặc vitamin D. Corticosteroid có thể làm giảm sự hấp thu calci. Biphosphonat có thể được sử dụng cho tình trạng tăng calci máu đe dọa tính mạng.

■ **Tác dụng không mong muốn:**

- 1) Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, táo bón, hạ huyết áp, phát ban và mày đay, nhịp tim bất thường, bốc hỏa.
- 2) Quá liều có thể dẫn tới các triệu chứng sau: Buồn nôn, nôn, đau bụng, tăng natri huyết, suy tim sung huyết, phù, v.v...
- 3) Dùng lâu dài có thể dẫn đến tăng calci huyết và sỏi thận.

*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

■ **Tương tác thuốc:**

- 1) Có thể tăng kali huyết khi dùng đồng thời với thuốc kháng aldosteron và triamteren.
- 2) Không dùng đồng thời với các thuốc sau: Phosphat, muối calcium, tetracyclin dùng đường uống, thuốc kháng acid.
- 3) Tránh uống trà xanh hoặc trà đen có chứa tannin trước hoặc sau khi dùng thuốc.
- 4) Sử dụng các thuốc lợi tiểu thiazid làm giảm thải trừ calci, gia tăng nguy cơ tăng calci huyết, vì vậy khuyến cáo giám sát nồng độ calci huyết.
- 5) Sử dụng đồng thời corticosteroid làm giảm hấp thu calci, corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D. Glucocorticoid, phenytoin làm giảm hấp thu calci qua đường tiêu hóa. Chế độ ăn có phytat, oxalat làm giảm hấp thu calci vì tạo thành những phức hợp khó hấp thu.
- 6) Digitalis và các glycosid tim khác: uống đồng thời calci kết hợp với vitamin D làm tăng độc tính của digitalis (nguy cơ loạn nhịp). Do nồng độ calci trong máu tăng làm tăng tác dụng ức chế enzym Na<sup>+</sup> - K<sup>+</sup> - ATPase của glycosid tim. Nếu cần thiết, giám sát y khoa chặt chẽ, theo dõi ECG và calci huyết.
- 7) Bisphosphonat, natri fluorid: Nên dùng tối thiểu khoảng 2 giờ trước khi uống calci (nguy cơ giảm sự hấp thu qua đường tiêu hóa của bisphosphonat và natri fluorid).
- 8) Quinolon: Calci có thể cản trở sự hấp thu các thuốc kháng sinh nhóm quinolon (như ciprofloxacin, levofloxacin, norfloxacin và ofloxacin). Nên uống thuốc Dicarbo 2-4 giờ trước hoặc sau khi uống thuốc kháng sinh nhóm quinolon.

■ **Hạn dùng:**

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

■ **Bảo quản:**

\* Thận trọng khi bảo quản:

- 1) Để xa tầm tay trẻ em.
- 2) Tránh ánh sáng trực tiếp, bảo quản ở nơi khô mát.
- 3) Tránh dùng bao bì khác để chứa thuốc để đảm bảo chất lượng và tránh dùng nhầm thuốc.

\* Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C.

■ **Đóng gói:**

(10 viên x 10 vi)/hộp.

■ **Tiêu chuẩn chất lượng:**

USP 40

Visa No.: VN-17560-13



Sản xuất bởi:

KOLMAR KOREA

245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Hàn Quốc.

Tel: 82-041-860-0841

Fax: 82-041-868-5700